

Số: 1858 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang  
giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 238/TTr-SKHĐT ngày 31/12/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025, với nội dung chủ yếu sau:

### **1. Mục tiêu**

#### ***a) Mục tiêu tổng quát***

Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hợp lý đất lâm nghiệp, nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao chất lượng rừng, hình thành vùng sản xuất kinh doanh tập trung gắn với công nghiệp chế biến lâm sản; chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, đồng thời áp dụng các giải pháp lâm sinh hữu hiệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng, rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao giá trị thu nhập trên đất sản xuất lâm nghiệp.

#### ***b) Mục tiêu cụ thể***

- Nâng cao năng suất rừng trồng kinh tế từ 85 m<sup>3</sup>/ha lên trên 120 m<sup>3</sup>/ha vào cuối kỳ quy hoạch; chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn có giá trị kinh tế cao; hình thành và phát triển vùng trồng cây gỗ lớn, trồng cây đặc sản, cây dược liệu.

- Tỷ lệ độ che phủ của rừng đến năm 2025 đạt trên 64,8%; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, kết hợp với trồng rừng, đảm bảo khả năng bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế đờn lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, bảo vệ đờn các công trình kết cấu hạ tầng ở vùng núi và vùng trũng, hạn chế thiên tai, giảm thiểu khí phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thu hút khoảng trên 90.000 lao động liên tục tham gia sản xuất lâm nghiệp, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người làm nghề rừng.

- Bảo vệ và phát triển rừng trên các diện tích quy hoạch cho các khu vực an ninh, quốc phòng; đảm bảo khả năng về nguy trang cho các kho tàng, thao trường huấn luyện và các công trình quân sự phục vụ các mục đích an ninh, quốc phòng của tỉnh và quốc gia.

### **2. Nhiệm vụ**

#### ***2.1- Nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020***

- Bảo vệ tốt diện tích rừng: 1.704.321 lượt ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 8.288 lượt ha;
- Trồng rừng tập trung 53.000 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ là 500 ha, trồng rừng sản xuất là 52.500 ha;

- Trồng cây phân tán làm đẹp cảnh quan, bảo vệ môi trường: 1.750 ha;
- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên: 1.200 ha;
- Chăm sóc rừng (năm 2, 3, 4): 164.498 lượt ha;
- Khai thác: 49.000 ha;
- Làm giàu rừng: 6.680 ha;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm sinh cần thiết đảm bảo cho việc bảo vệ và phát triển rừng;
- Duy trì quản lý rừng bền vững đã được cấp chứng chỉ FSC 15.828,53ha; cấp mới 9.000 ha (tại thành phố Tuyên Quang 100 ha; huyện Chiêm Hóa 3.100 ha; Hàm Yên 100 ha; Sơn Dương 2.600 ha; Yên Sơn: 3.100 ha);
- Nâng cấp 18 vườn ươm: Tại thành phố Tuyên Quang 1 vườn, Chiêm Hóa 2 vườn, Hàm Yên 6 vườn, Sơn Dương 3 vườn, Yên Sơn 6 vườn;
- Xây dựng 03 Trung tâm giống: Tại huyện Chiêm Hóa 1 trung tâm, Sơn Dương 1 trung tâm và Hàm Yên 1 trung tâm.

## 2.2- Nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

- Bảo vệ tốt diện tích rừng: 1.741.837 lượt ha; trong đó: rừng tự nhiên: 1.138.065 lượt ha, rừng trồng 603.772 lượt ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 8.288 lượt ha;
- Trồng rừng tập trung 50.000 ha, trồng trên diện tích đất rừng sản xuất;
- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên: 300 ha;
- Chăm sóc rừng (năm 2, 3, 4): 151.651 ha;
- Khai thác: 50.000 ha.

## 3. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo 3 loại rừng

Loại đất loại rừng	Hiện trạng năm 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025
<b>Tổng đất lâm nghiệp</b>	<b>448.681,2</b>	<b>434.966,4</b>	<b>429.113,3</b>
1. Đất rừng phòng hộ	126.731,7	121.609,2	121.609,2
2. Đất rừng đặc dụng	46.934,4	46.934,4	46.934,4
3. Đất rừng sản xuất	275.015,0	266.422,8	260.569,7

Chuyển ra ngoài đất lâm nghiệp 19.567,9 ha để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Giai đoạn 2016-2020, chuyển 13.714,8 ha; giai đoạn 2021-2025, chuyển 5.853,1 ha.

#### 4. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

4.1- Bảo vệ rừng: 3.446.158 lượt ha, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 1.704.321 lượt ha;

- Giai đoạn 2021 - 2025: 1.741.837 lượt ha.

4.2 - Khoanh nuôi phục hồi rừng: 8.288 lượt ha.

4.3 - Trồng rừng tập trung (ha):

Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo giai đoạn	
		2016-2020	2021-2025
<b>Tổng trồng rừng tập trung</b>	<b>103.000</b>	<b>53.000</b>	<b>50.000</b>
1. Trồng rừng phòng hộ (trên đất trống)	500	500	-
2. Trồng rừng sản xuất	102.500	52.500	50.000
2.1. Trồng rừng mới	9.600	9.600	-
2.1.1. Trồng rừng gỗ nhỏ	6.100	6.100	-
2.1.2. Trồng rừng gỗ lớn	3.500	3.500	-
2.2. Trồng lại rừng sau khai thác	92.900	42.900	50.000
2.2.1. Trồng rừng gỗ nhỏ	69.650	35.400	34.250
2.2.2. Trồng rừng gỗ lớn	23.250	7.500	15.750

4.4. Trồng cây dược liệu: 1.500 ha, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 1.200 ha;

- Giai đoạn 2021 - 2025: 300 ha.

4.5. Khai thác gỗ rừng trồng: 9.665.000 m<sup>3</sup> gỗ, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 4.165.000 m<sup>3</sup> gỗ;

- Giai đoạn 2021 - 2025: 5.500.000 m<sup>3</sup> gỗ.

#### 5. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào cho Trường Đại học Tân Trào, Trung tâm sản xuất giống cây trồng (xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn). Hỗ trợ xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào cho Công ty cổ phần Giấy An Hòa.

- Xây dựng, nâng cấp sửa chữa 100 km đường lâm nghiệp.
- Xây dựng 86 km đường băng cản lửa.
- Duy trì và nâng cấp 18 vườn ươm hiện có, đáp ứng yêu cầu sản xuất giống chất lượng cao. Quản lý sản xuất có hiệu quả hệ thống vườn cây đầu dòng và các nguồn giống trên địa bàn tỉnh.

## **6. Chế biến lâm sản**

- Duy trì, nâng cao hiệu quả 05 nhà máy chế biến lâm sản hiện có: Nhà máy giấy An Hòa 130.000 tấn/năm; Nhà máy chế biến gỗ của Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang 6.000 m<sup>3</sup>/năm; Nhà máy sản xuất dũa tre, giấy đé và bột giấy Na Hang, công suất 7.500 tấn SP/năm; Nhà máy chế biến gỗ Tuyên Quang, công suất 5.000 m<sup>3</sup>/năm; Nhà máy dũa Phúc Lâm huyện Chiêm Hóa 250 triệu sản phẩm/năm.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ tại các huyện, thành phố theo hướng gắn kết chặt chẽ những đơn vị sản xuất nguyên liệu với doanh nghiệp chế biến, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên rừng.

- Quản lý chặt 337 cơ sở chế biến lâm sản nhỏ lẻ hiện có theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

## **7. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

### *a) Về tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất*

- Thực hiện tốt phân cấp quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục củng cố vai trò, chức năng của các chủ rừng nhà nước trên địa bàn, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân và cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng, chế biến lâm sản.

- Đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp theo theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp.

### *b) Về khoa học công nghệ*

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào. Nghiên cứu tuyển chọn giống năng suất, chất lượng để bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh. Phần đầu đến năm 2020 có trên 80% diện tích rừng trồng được trồng bằng giống sản xuất bằng phương pháp nhân vô tính, giống hạt chất lượng cao.

Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; kỹ thuật trồng rừng sản xuất gỗ lớn; rút ngắn chu kỳ kinh doanh; nâng cao năng suất, giá trị rừng trồng.

Hỗ trợ ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, các sản phẩm gỗ sau chế biến, quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC.

*c) Về quản lý bảo vệ rừng*

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và công cụ hỗ trợ cho lực lượng kiểm lâm. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Bố trí lực lượng, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ cho công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Thực hiện có hiệu quả cơ chế thực hiện nhiệm vụ công ích theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch bảo vệ rừng. Củng cố, thành lập lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của các chủ rừng theo Quyết định số 44/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng.

*d) Về phát triển nguồn nhân lực*

- Đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật lâm nghiệp nhất là đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ sinh học, thông tin ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp, nhất là các ban quản lý rừng. Thực hiện có hiệu quả chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao trình độ kỹ thuật cho người trồng rừng. Đầu tư xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất lâm nghiệp hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông, gắn trách nhiệm đội ngũ cán bộ khuyến nông với việc xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả.

*đ) Về cơ chế chính sách*

- Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách của chính phủ về hỗ trợ, đầu tư phát triển lâm nghiệp; chính sách của tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác xã, phát triển trang trại.

- Giám sát thực hiện đầu tư theo các Đề án quy hoạch vùng nguyên liệu được duyệt; các nhà máy ban hành chính sách đầu tư, liên kết sản xuất nguyên liệu theo quy hoạch vùng nguyên liệu được duyệt.

- Nghiên cứu hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào lâm nghiệp; chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gỗ rừng trồng.

e) Về công tác giao đất, giao rừng: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện giao rừng, cho thuê rừng và giao đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của nhà nước.

## **8. Vốn đầu tư**

Tổng nhu cầu vốn: 5.792,5 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách 836,7 tỷ đồng (chiếm 14,4%); vốn tín dụng 3.469,1 tỷ (chiếm 59,9%); vốn huy động ngoài nhà nước khác 1.486,7 tỷ đồng (chiếm 25,7%).

- Giai đoạn 2016 - 2020 là: 3.521,5 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025 là: 2.271,0 tỷ đồng.

## **10. Danh mục chương trình, dự án ưu tiên**

a) Dự án trồng rừng ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc lưu vực đầu nguồn sông Gâm, sông Lô và sông Phó Đáy tỉnh Tuyên Quang.

b) Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm.

c) Dự án đóng mốc ranh giới 3 loại rừng.

d) Đề án Giao rừng tự nhiên cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

đ) Dự án đầu tư phát triển giống cây lâm nghiệp.

e) Dự án đầu tư phát triển rừng gỗ lớn.

g) Dự án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

*(Chi tiết có Báo cáo và bản đồ quy hoạch kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của nhà nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ vào các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được phê duyệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn hằng năm để thực hiện có hiệu quả.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với các tổ chức, doanh nghiệp; xây dựng các chính sách về đất đai. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với các hộ gia đình, cá nhân.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với lực lượng Kiểm lâm xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp để thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ rừng và phòng chống tội phạm về bảo vệ rừng; kiên quyết ngăn chặn triệt để, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ rừng và phát triển rừng.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng đã điều chỉnh trên địa bàn quản lý.

6. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với ngành Nông nghiệp và PTNT, các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

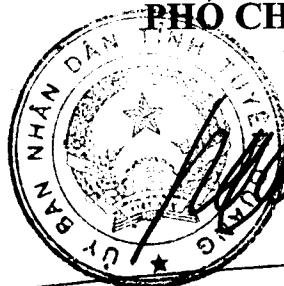
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** ✕

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trưởng phòng KT CNLN;
- Lưu VT, ĐC, NLN (Tỉnh).

(Báo  
cáo)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Quang**